TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2018/DS – ST
Ngày: 28 – 8 -2018
"V/v : Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quang Liêu và ông Nguyễn Mạnh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng– là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: *bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên*

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2018/TLST - DS ngày 16 tháng 3 năm 2018, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐST - DS ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* chị Lục Thị X; sinh năm: 1985 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* bà Đồng Thị C; sinh năm: 1970 (có mặt)
Và ông Lê Văn Đ, sinh năm: 1969 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Anh Lục Văn A, sinh năm: 1982 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 02 năm 2018 và trong quá trình xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lục Thị X trình bày:

Trong năm 2017, chị có bán hạt điều khô cho anh chị C, Đ nhiều lần. Đến ngày 22/9/2017 hai bên chốt nợ chị C anh Đ còn nợ lại chị số tiền 172.000.000đ. Hai bên có làm giấy tờ viết tay, hẹn sau 15 ngày sẽ trả số tiền này. Chị C có viết giấy chốt nợ với chị và chị C có ký tên. Chị yêu cầu anh Đ chị C phải trả cho chị số tiền 172.000.000đ. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm. Số tiền này là tài sản chung của chị và anh Lục Văn A là chồng chị.

Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 11/4/2018, chị X trình bày: Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2018 thì chị yêu cầu anh Đ chị C trả chị số tiền 172.000.000đ. Tuy nhiên, hiện nay chị C đã trả chị số tiền 20.000.000đ. Vì vậy, chị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000đ này, chị chỉ yêu cầu anh Đ chị C trả chị số tiền 152.000.000đ. Chị không yêu cầu tính lãi suất.

- Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị đơn chị Đồng Thị C trình bày:

Trong năm 2017, chị X có bán hạt điều khô cho chị nhiều lần. Đến ngày 22/9/2017 hai bên chốt nợ thì chị còn nợ chị X số tiền 172.000.000đ. Hai bên có làm giấy tờ viết tay, hẹn sau 15 ngày sẽ trả hết số tiền này. Do gia đình chị gặp khó khăn về kinh tế nên chị mới trả cho chị X số tiền 20.000.000đ, còn nợ lại chị X số tiền 152.000.000đ, đến nay chưa trả được. Nay chị đồng ý trả chị X số tiền này nhưng xin trả dần. Chị là người trực tiếp mua bán hạt điều với chị X, chồng chị là anh Đ không biết việc này. Trong gia đình thì chị là người quản lý kinh tế, làm ăn, chi tiêu sinh hoạt, phát triển kinh tế gia đình. Số tiền 152.000.000đ còn nợ chị X anh A thì đây là nợ chung của chị và anh Đ chồng chị.

- Tại biên bản lời khai ngày 02/4/2018, bị đơn anh Đ trình bày:

Việc mua bán hạt điều giữa vợ anh chị C với chị X thì anh không biết, anh nghe chị C nói đã trả chị X số tiền 22.000.000đ, còn nợ lại 150.000.000đ. Việc trả tiền là trách nhiệm của chị C, anh không liên quan gì. Trong quá trình chung sống thì tiền bạc do vợ anh chị C quản lý, chi tiêu trong gia đình, việc giao dịch mua bán hạt với chị X do chị C trực tiếp giao dịch. Vì vậy, trách nhiệm trả tiền cho chị X là trách nhiệm của chị C, không liên quan đến anh.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lục Văn A trình bày:

Anh là chồng của chị X. Anh đồng ý với toàn bộ lời trình bày của chị X, anh yêu cầu chị C anh Đ phải trả cho vợ chồng anh chị số tiền 152.000.000đ. Ngoài ra, anh không có ý kiến gì thêm.

-Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

-Tại phiên tòa đương sự có mặt thống nhất được số tiền còn nợ nhưng không thống nhất được thời gian trả nợ.

- *Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh chị Đồng Thị C và Lê Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh chị Lục Thị X, Lục Văn A số tiền 152.000.000đ. Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Chị Lục Thị X khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn Đ và chị Đồng Thị C cư trú tại thôn 4, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước phải trả số tiền đã mua hàng trong năm 2017 còn nợ tổng cộng là 152.000.000đ. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản theo Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bị đơn chị Đồng Thị C xác nhận có mua hạt điều của chị Lục Thị X khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2017. Đến ngày 22/9/2017 (âm lịch) thì hai bên chốt nợ,chị còn nợ chị X số tiền 172.000.000đ. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả tiền sau 15 ngày. Tuy nhiên đến hạn trả tiền chị C không trả cho chị X. Như vậy, phía chị C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận.

Đối với đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị X ngày 11/4/2018 về việc chị xác định bị đơn chị C đã trả chị được số tiền 20.000.000đ, nên chị X rút phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000đ đối với chị C anh Đ. Hiện nay, tại phiên tòa chị chỉ yêu cầu chị C anh Đ phải trả chị số tiền 152.000.000đ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện không trái với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Tại phiên tòa chị C đồng ý trả số tiền 152.000.000đ cho chị X và anh Anh nhưng chị không có tiền trả một lần mà chị xin trả dần. Xét thấy, bị đơn đã thống nhất khoản nợ trên mà không có sự phản đối chỉ xin được trả dần còn phía nguyên đơn chị X, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh A không đồng ý cho bị đơn trả dần. Căn cứ theo khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015 quy định "bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền quy định trong hợp đồng" . Do chị C không trả tiền đúng theo thời gian đã thỏa thuận là đã là vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Đối với bị đơn anh Đ cho rằng đây là nợ riêng của vợ anh chị C không liên quan đến anh. Tuy nhiên, tại biên bản lời khai anh xác định anh và chị C là vợ chồng, trong quá trình chung sống thì tiền bạc do vợ anh là chị C quản lý, chi tiêu trong gia đình. Phía chị C xác định chị thực hiện việc mua hạt điều nhằm bán lại hưởng lợi chênh lệch để phát triển kinh tế gia đình cũng như đảm bảo việc sinh hoạt đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình. Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình xác định là nợ chung của vợ chồng anh Đ, chị C đối với chị X.

Do đó, nguyên đơn chị X yêu cầu chị C anh Đ phải trả số tiền còn nợ 152.000.000đ là có cơ sở nên cần chấp nhận. Cần buộc anh Đ chị C phải trả số tiền 152.000.000đ cho chị X anh A.

Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn anh Lê Văn Đ và chị Đồng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lục Thị X. Buộc anh Lê Văn Đ và chị Đồng Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lục Thị X và anh Lục Văn A số tiền còn nợ do mua bán tài sản là 152.000.000đ (một trăm, năm mươi hai triệu đồng).

[2] Đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000đ của nguyên đơn chị X đối với bị đơn anh Đ chị C.

[2] Về án phí: Buộc bị đơn anh Lê Văn Đ và chị Đồng Thị C phải nộp 7.600.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho chị Lục Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.300.000đ, theo Biên lai thu tiền số 0021832 ngày 15/3/2018.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Bình phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CC THADS huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà